

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

V/v: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Đồng Phước Tài

2/Ông Lê Hoàn Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST – HNGĐ ngày 02/02/2021 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HN ngày 5/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST – HNGĐ ngày 26/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 7, Khóm T, thị trấn Q, B, Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 7, Khóm T, thị trấn Q, B, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 02/02/2021 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày:

Vào năm 1987, ông Lê Văn Q và bà Lê Thị P sau thời gian tìm hiểu và quen biết nhau và đã đi đến chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới. Không tặng cho nữ trang. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Vĩnh Long (nay là thị trấn Q, B) và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 17/12/2002.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại ấp T, xã T (nay là thị trấn Q), B, Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được 31 năm và sinh được 1 con chung tên Lê Thị B, sinh ngày 1988, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, do bà P không quan tâm chăm sóc cho gia đình từ đó vợ chồng thường hay bất hòa cự cãi với nhau đến mức trầm trọng. Tuy vợ chồng chung

sống với nhau trong một mái nhà nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Ông Lê Văn Q xin ly hôn bà Lê Thị P.

-Về con chung: chị Lê Thị B, sinh ngày 1988, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn bà Lê Thị P vắng mặt.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày: Về thời gian kết hôn, nữ trang, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn gia đình là đúng như đơn khởi kiện.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, do bà P không quan tâm chăm sóc cho gia đình từ đó vợ chồng thường hay bất hòa cự cãi với nhau đến mức trầm trọng. Tuy vợ chồng chung sống với nhau trong một mái nhà nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Ông Lê Văn Q xin ly hôn bà Lê Thị P.

-Về con chung: chị Lê Thị B, sinh ngày 1988, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Tân Quới, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị P.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1987, ông Lê Văn Q và bà Lê Thị P sau thời gian tìm hiểu và quen biết nhau và đã đi đến chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Bình Minh, Vĩnh

Long (nay là thị trấn Tân Quới, Bình Tân) và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 17/12/2002 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay bất hòa cự cãi với nhau đến mức trầm trọng. Tuy vợ chồng chung sống với nhau trong một mái nhà nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu xin ly hôn bà P. Xét yêu cầu của ông Q là có cơ sở. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Q. Ông Lê Văn Q được ly hôn bà Lê Thị P.

[4]Xét về con chung: Ông Lê Văn Q và bà Lê Thị P chung sống với nhau có sinh được 1 con chung tên chị Lê Thị B, sinh ngày 1988, đã trưởng thành và có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]Về quan hệ tài sản: Ông Lê Văn Q không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Lê Văn Q nộp 300.000 đồng, ông Q được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011821 ngày 02/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của Lê Văn Q.

1/Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Q được ly hôn bà Lê Thị P.

2/Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/Về quan hệ tài sản và nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Ông Lê Văn Q nộp 300.000 đồng, ông Q được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011821 ngày 02/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn Lê Văn Q biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Lê Thị P vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSNDH Bình Tân;
- THADSH Bình Tân;
- UBND khóm Thành Nhân Tân Quới, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THÀNH TỰU